

Số: 86 /BC-UBND

Thái Bình, ngày 27 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2023; các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện điểm các chỉ số thành phần PCI năm 2024

Thực hiện Văn bản số 3442/VPCP-KSTT ngày 20/5/2024 của Văn phòng Chính phủ về việc nghiên cứu Báo cáo PCI và PGI năm 2023; báo cáo kết quả Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI) năm 2023 của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tổ chức công bố tại Công văn số 695/LĐTM-PC ngày 04/5/2024; trên cơ sở tổng hợp và đề nghị của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 382/VP-XTĐT ngày 19/6/2024 (có các văn bản đính kèm theo); Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá kết quả chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2023; các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện điểm các chỉ số thành phần PCI năm 2024, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Tổng quan về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2023.

Ngày 09/5/2024, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) công bố Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và Chỉ số Xanh cấp tỉnh năm 2023, đây là báo cáo PCI năm thứ 19 về đánh giá chất lượng điều hành kinh tế của 63 tỉnh, thành phố cả nước.

Báo cáo PCI năm 2023 được thực hiện theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng tại mỗi tỉnh, thành phố, để đảm bảo tính đại diện của tất cả nhóm doanh nghiệp theo năm thành lập, quy mô, loại hình sở hữu và ngành nghề sản xuất kinh doanh tại mỗi địa phương. Bên cạnh bảng xếp hạng năng lực cạnh tranh của các tỉnh, thành phố như thường lệ, báo cáo PCI 2023 còn đánh giá các chuyển động trên nhiều lĩnh vực của môi trường kinh doanh Việt Nam như mức độ thuận lợi trong thực hiện các thủ tục hành chính, khả năng tiếp cận thông tin, công tác thanh, kiểm tra, chi phí không chính thức, chất lượng thực thi quy định tại các địa phương và các khó khăn của doanh nghiệp tư nhân đang gặp phải. Đồng thời, phản ánh đánh giá của các nhà đầu tư nước ngoài về môi trường kinh doanh tại Việt Nam trên nhiều khía cạnh như thủ tục đầu tư, thuế, bảo hiểm xã hội, đất đai, xuất nhập khẩu, chất lượng lao động.

PCI có 10 chỉ số thành phần đánh giá trên các lĩnh vực điều hành nền kinh tế gồm: (1) Gia nhập thị trường; (2) Tiếp cận đất đai; (3) Tính minh bạch; (4) Chi phí thời gian; (5) Chi phí không chính thức; (6) Cạnh tranh bình đẳng; (7) Tính năng động của chính quyền tỉnh; (8) Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; (9) Đào tạo lao động; (10) Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự.

2. Kết quả chỉ số thành phần của chỉ số PCI tỉnh Thái Bình năm 2023.

2.1. Chi tiết chỉ số PCI của tỉnh Thái Bình năm 2023 so với năm 2022; so sánh tăng, giảm điểm các chỉ số thành phần của từng chỉ số PCI: được tổng hợp tại Bảng 1 phụ lục đính kèm.

Chi tiết chỉ số PCI của tỉnh Thái Bình năm 2023 so sánh với vùng đồng bằng Sông Hồng: được tổng hợp chi tiết tại Bảng 2 phụ lục đính kèm.

2.2. Kết quả chỉ số PCI năm 2023.

Năm 2023, VCCI tiếp tục chỉ công bố bảng xếp hạng PCI với 30 địa phương có điểm số cao nhất, thay vì xếp hạng tất cả 63 tỉnh, thành (không xếp hạng đối với các tỉnh nằm ngoài 30 địa phương đã được xếp hạng). Sự thay đổi của VCCI nhằm khuyến khích sự tập trung và nỗ lực thay đổi để các tỉnh phần đầu lọt vào nhóm 30 địa phương dẫn đầu; do đó tại Báo cáo này cũng chỉ tập trung so sánh các chỉ số thành phần của năm 2023 với 2022, mà không xếp hạng (tăng giảm bậc trên bảng xếp hạng PCI) như mọi năm.

Theo công bố của VCCI, tỉnh Thái Bình không nằm trong Top 30 tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành tốt nhất năm 2023. Kết quả phân tích 10 chỉ số thành phần PCI được phân loại như sau:

- Có 07/10 chỉ số tăng điểm gồm: Gia nhập thị trường; Tiếp cận đất đai; Tính minh bạch; Chi phí thời gian; Chi phí không chính thức; Cạnh tranh bình đẳng; Tính năng động tiên phong của chính quyền.

- Có 03/10 chỉ số giảm điểm gồm: Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; Đào tạo lao động; Thiết chế pháp lý & ANTT.

Tuy nhiên có 4 chỉ số thành phần nằm ngoài Top 30 tỉnh, thành phố; gồm: Tính minh bạch (xếp hạng 62/63); Chính sách hỗ trợ Doanh nghiệp (xếp hạng 57/63); Đào tạo lao động (xếp hạng 43/63); Cạnh tranh bình đẳng (xếp hạng 33/63). Trong đó: Chỉ số Chính sách hỗ trợ Doanh nghiệp là năm thứ 2 liên tiếp bị giảm điểm (năm 2023 giảm 0,51 điểm so với năm 2022; năm 2022 giảm 0,79 điểm so với năm 2021).

II. ĐÁNH GIÁ VÀ NGUYÊN NHÂN GIẢM ĐIỂM, GIẢM GIÁ TRỊ CHỈ SỐ PCI TỈNH THÁI BÌNH NĂM 2023

Căn cứ điểm số của từng chỉ số thành phần (trên cơ sở báo cáo điều tra của VCCI công bố); căn cứ báo cáo của các sở, ngành, đơn vị liên quan, báo cáo đánh giá tổng hợp chỉ số PCI tỉnh Thái Bình năm 2023, nguyên nhân giảm điểm và trách nhiệm của các cơ quan liên quan như sau:

1. Các chỉ số tăng điểm so với năm 2022 (có 07/10 chỉ số)

1.1. Chỉ số Gia nhập thị trường:

Chỉ số Gia nhập thị trường: Đạt 7,54 điểm, tăng 0,44 điểm so với năm 2022 (năm 2022 đạt 7,10 điểm); xếp thứ 15/63 tỉnh, thành cả nước; xếp thứ 3/11 tỉnh, thành khu vực đồng bằng sông Hồng (tăng 01 bậc so với năm 2022). Được đánh giá dựa trên 19 chỉ tiêu, trong đó có: 03 chỉ tiêu giảm giảm giá trị so với năm 2022, cụ thể như sau:

a) 11 chỉ tiêu tăng giá trị: 05 chỉ tiêu giữ nguyên như năm 2022 (Bảng 3 phụ lục đính kèm - Chi tiết chỉ số thành phần Gia nhập thị trường).

b) 03 chỉ tiêu giảm giá trị cụ thể gồm:

- Tỷ lệ doanh nghiệp phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp từ 02 lần trở lên (giá trị đạt 8%, tăng 5% so với năm 2022);

- Tỷ lệ doanh nghiệp đăng ký hoặc sửa đổi đăng ký doanh nghiệp thông qua hình thức mới như đăng ký trực tuyến, đăng ký ở trung tâm hành chính công hoặc qua bưu điện (giá trị đạt 28%, giảm 11% so với năm 2022);

- Tỷ lệ doanh nghiệp phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục sửa đổi đăng ký doanh nghiệp (giá trị đạt 3%, tăng 3% so với năm 2022).

c) Nguyên nhân của việc giảm giá trị:

** Nguyên nhân khách quan:*

Sau đại dịch Covid-19, hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn do bị ảnh hưởng của nhiều yếu tố (như: cuộc chiến Nga – Ukraina và một số khu vực chiến sự khác xảy ra trên thế giới, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, lạm phát, tỷ giá, vận tải,...); mặt khác một số Doanh nghiệp sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lại phải tiếp tục đi tìm hiểu các thủ tục liên quan đến điều kiện kinh doanh qua đó phần nào kéo dài thời gian chờ đợi để chính thức đi vào hoạt động (nguyên nhân chính là điều kiện kinh doanh làm kéo dài thời gian để doanh nghiệp đi vào hoạt động).

Một số hồ sơ đăng ký kinh doanh của Doanh nghiệp được nộp online, thiếu thành phần hồ sơ, chưa đủ chữ ký, ... phải đẩy trả lại cho Doanh nghiệp, nhưng khi đẩy trả lại hoặc Doanh nghiệp nộp lại thì tại một số thời điểm trong ngày làm việc hệ thống cấp đăng ký kinh doanh online bị treo hoặc bị sự cố upload tài liệu rất chậm dẫn đến thời gian cấp đăng ký doanh nghiệp bị kéo dài (không đúng với quy định niêm yết).

** Nguyên nhân chủ quan:*

Các doanh nghiệp thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua đơn vị tư vấn tuy nhiên một số đơn vị tư vấn thiếu kỹ năng, chưa chuyên nghiệp dẫn đến hồ sơ thủ tục không đáp ứng dẫn đến kết quả khảo sát chưa phản ánh sát đúng thực tế địa phương; một số đơn vị chưa nhận thức hết trách nhiệm của đơn vị mình trong việc thực hiện thủ tục cấp kinh doanh có điều kiện.

Năm 2023 tỷ lệ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng đạt 82,56%, trong đó có nhiều tài khoản được cấp mới, việc số hoá hồ sơ ĐKDN trên hệ thống đòi hỏi tỷ mỉ, kỹ lưỡng trong việc nhập thông tin từ hồ sơ lên hệ thống, quét và đăng tải hồ sơ để nộp đồng thời một số thủ tục như chuyển trụ sở chính doanh nghiệp, văn phòng đại diện, chi nhánh phải lấy ý kiến của cơ quan thuế; hồ sơ của Doanh nghiệp còn nhiều thiếu sót, dẫn tới tỷ lệ hồ sơ chưa hợp lệ phải yêu cầu sửa đổi, bổ sung lần 2 tăng.

Một số doanh nghiệp đăng ký trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, văn phòng đại diện, chi nhánh có địa chỉ trong các Khu, cụm công nghiệp (tại địa điểm thuê lại là nhà xưởng của 1 đơn vị khác), Sở Kế hoạch và Đầu tư phải lấy ý kiến của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh, Sở Công Thương bằng văn bản.

g) Trách nhiệm theo dõi, giải trình đối với chỉ số Gia nhập thị trường: Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị chủ trì; đơn vị phối hợp gồm: Sở Tư pháp, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, các đơn vị có thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện và các đơn vị liên quan.

1.2. Chỉ số Tiếp cận đất đai:

Chỉ số Tiếp cận đất đai: Đạt 7,19 điểm, tăng 0,25 điểm so với năm 2022 (năm 2022 đạt 6,94 điểm); xếp thứ 10/63 tỉnh, thành cả nước; xếp thứ 4/11 tỉnh, thành khu vực đồng bằng sông Hồng (tăng 05 bậc so với năm 2022). Chỉ số này được đánh giá dựa trên 14 chỉ tiêu, trong đó có 06 chỉ tiêu giảm giá trị so với năm 2022, cụ thể như sau:

a) 06 chỉ tiêu tăng giá trị và 02 chỉ tiêu có giá trị không thay đổi như năm 2022: (Bảng 4 phụ lục đính kèm - Chi tiết chỉ số thành phần Tiếp cận đất đai).

b) 06 chỉ tiêu giảm giá trị gồm:

- Doanh nghiệp tư nhân không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh (giá trị đạt 0,65, giảm 0,04 so với năm 2022);

- Tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn về thiếu quỹ đất sạch (giá trị đạt 15%, tăng 1% so với năm 2022);

- Thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định (giá trị đạt 72%, tăng 22% so với năm 2022);

- Cán bộ nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính không hướng dẫn chi tiết, đầy đủ (giá trị đạt 52%, tăng 23% so với năm 2022);

- Tỷ lệ doanh nghiệp tin rằng sẽ được bồi thường thỏa đáng khi bị thu hồi đất (giá trị đạt 13%, giảm 2% so với năm 2022);

- Tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục (giá trị đạt 60%, giảm 29% so với năm 2022).

c) Nguyên nhân của việc giảm giá trị:

* *Nguyên nhân khách quan:*

Việc tiếp cận đất đai của Doanh nghiệp trong thời gian vừa qua gặp một số trở ngại nhất định do việc cần tích hợp các phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai vào Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, ảnh hưởng đến tiến độ giao đất, cho thuê đất của một số dự án trên địa bàn tỉnh.

Thủ tục hành chính về đất đai là khâu cuối cùng trong thủ tục về chuẩn bị đầu tư của Doanh nghiệp, gồm nhiều loại hồ sơ, giấy tờ liên quan đến các ngành lĩnh vực nên cán bộ tiếp nhận gặp khó khăn, phải hướng dẫn nhiều lần hoàn thiện hồ sơ. Có trường hợp cần phải xin ý kiến các sở, ban, ngành và các địa phương liên quan hoặc phải kiểm tra thực địa.

Quỹ đất sạch để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất công khai, minh bạch rất hạn chế (do nguồn vốn ngân sách bố trí để thực hiện thu hồi đất tạo quỹ đất sạch còn nhiều khó khăn) do vậy các doanh nghiệp muốn được thuê đất trực tiếp của nhà nước cảm thấy việc tiếp cận quỹ đất sạch là khó khăn. Trên địa bàn tỉnh, có khá nhiều cụm khu, cụm công nghiệp đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đã

và đang xây dựng đồng bộ hạ tầng nhưng việc thu hút nhà đầu tư thứ cấp còn hạn chế.

** Nguyên nhân chủ quan:*

Việc tiếp cận đất đai, mở rộng mặt bằng kinh doanh của Doanh nghiệp, phải căn cứ vào quỹ đất hiện có của địa phương và sự phù hợp với quy hoạch kế hoạch sử dụng đất đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Tuy nhiên, việc rà soát, đăng ký nhu cầu sử dụng đất để đăng ký vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất không sát với nhu cầu thực tiễn, nhu cầu sử dụng đất của nhà đầu tư không thống nhất, ảnh hưởng đến việc tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp. Đối với các dự án có sử dụng trên 10 ha đất trồng lúa phải giải trình, xin ý kiến các bộ, ngành TW và phải được chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ do đó thời gian kéo dài.

Một số doanh nghiệp chậm tiến độ quá 24 tháng, đã được gia hạn sử dụng đất thêm thời gian nhưng vẫn không triển khai thực hiện dự án theo cam kết, một số doanh nghiệp vẫn không hài lòng với thời gian được gia hạn.

Bộ thủ tục hành chính về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích để thực hiện dự án do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành được áp dụng chung cho mọi trường hợp nhưng đối với từng loại hình hồ sơ cụ thể, quy định về điều kiện giải quyết lại được dẫn chiếu khác nhau trong Luật Đất đai và Nghị định hướng dẫn thi hành, khó khăn việc áp dụng tại địa phương.

e) Trách nhiệm theo dõi, giải trình đối với chỉ số Tiếp cận đất đai: Sở Tài nguyên và Môi trường là đơn vị chủ trì; đơn vị phối hợp gồm: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

1.3. Chỉ số Tính minh bạch:

Chỉ số Tính minh bạch: Đạt 5,01 điểm, tăng 0,06 điểm so với năm 2022 (năm 2022 đạt 4,95 điểm); xếp thứ 62/63 tỉnh, thành cả nước; xếp thứ 11/11 tỉnh, thành khu vực đồng bằng sông Hồng (thứ hạng không thay đổi). Chỉ số này được đánh giá dựa trên 17 chỉ tiêu, trong đó có 05 chỉ tiêu giảm giá trị so với năm 2022, cụ thể như sau:

a) 12 chỉ tiêu tăng giá trị gồm: (Bảng 5 phụ lục đính kèm - Chi tiết chỉ số thành phần Tính minh bạch).

b) 05 chỉ tiêu giảm giá trị gồm:

- Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1= Không thể; 5= Rất dễ) (giá trị 3,04, giảm 0,07 so với năm 2022);

- Tiếp cận tài liệu pháp lý (1= Không thể; 5= Rất dễ) (giá trị 3,06, giảm 0,09 so với năm 2022);

- Cần có “mối quan hệ” để có được các tài liệu của tỉnh (giá trị 18%, tăng 4% so với năm 2022);

- Thỏa thuận về các khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế giúp doanh nghiệp giảm được số thuế phải nộp (giá trị 63%, tăng 31% so với năm 2024);

- Chất lượng website của tỉnh (giá trị 29, giảm 22,91 so với năm 2022).

c) Nguyên nhân của việc giảm giá trị:

* *Nguyên nhân khách quan*: Một số người dân, doanh nghiệp chưa hiểu hết được vai trò của Cổng thông tin điện tử là kênh cung cấp chính thống của cơ quan nhà nước nên chưa hình thành thói quen thường xuyên truy cập vào cổng.

* *Nguyên nhân chủ quan*:

Hình thức cung cấp thông tin chủ yếu trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và cổng thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, thông tin cung cấp còn phân tán, khó tìm kiếm tiếp cận; một số cơ quan, đơn vị chưa đa dạng hóa việc cung cấp thông tin cho doanh nghiệp; công tác tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu Cổng thông tin điện tử tỉnh chưa được sâu, rộng tới mọi tầng lớp người dân, các tổ chức đặc biệt là các doanh nghiệp.

Cổng thông tin điện tử tỉnh được nâng cấp năm 2019, các chức năng hỗ trợ cơ bản của Cổng thông tin điện tử tỉnh; khả năng tương tác với tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng; các yêu cầu kỹ thuật cung cấp dịch vụ công trực tuyến chưa đáp ứng được các yêu cầu của tổ chức, cá nhân theo quy định của Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định cấu trúc, bố cục, yêu cầu kỹ thuật cho Cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

d) Trách nhiệm theo dõi, giải trình đối với chỉ số Tính minh bạch: Sở Thông tin và Truyền thông là đơn vị chủ trì; đơn vị phối hợp gồm: các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

1.4. Chỉ số Chi phí thời gian:

Chỉ số Chi phí thời gian: Đạt 7,95 điểm, tăng 1,19 điểm so với năm 2022 (năm 2022 đạt 6,76 điểm); xếp thứ 22/63 tỉnh, thành cả nước; xếp thứ 06/11 tỉnh, thành khu vực đồng bằng sông Hồng (tăng 05 bậc so với năm 2022). Chỉ số này được đánh giá dựa trên 14 chỉ tiêu, trong đó có 09 chỉ tiêu giảm giá trị so với năm 2022, cụ thể như sau:

a) 05 chỉ tiêu tăng giá trị: (Bảng 6 phụ lục đính kèm - Chi tiết chỉ số thành phần Chi phí thời gian).

b) 09 chỉ tiêu giảm giá trị gồm:

- Tỷ lệ doanh nghiệp dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước (giá trị 7%, tăng 1% so với năm 2022);

- Cán bộ nhà nước thân thiện (giá trị 87%, giảm 5% so với năm 2022);

- Cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (giá trị 89%, giảm 3% so với năm 2022);

- Doanh nghiệp không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký (giá trị 89%, giảm 1% so với năm 2022);

- Thủ tục giấy tờ đơn giản (giá trị 88%, giảm 2% so với năm 2022);

- Phí, lệ phí được công khai (giá trị 93%, giảm 2% so với năm 2022);

- Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định (giá trị 89%, giảm 3% so với năm 2022);

- Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra bị trùng lặp (giá trị 5%, tăng 1% so với năm 2022);

- Số giờ thanh, kiểm tra thuế mỗi cuộc (giá trị 32 giờ, tăng 8 giờ so với năm 2022).

c) Nguyên nhân của việc giảm giá trị:

** Nguyên nhân khách quan:*

Trong năm 2023, công chức tiếp nhận hồ sơ ngoài việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính còn phải hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ công trực tuyến nhằm thực hiện các nhiệm vụ khác như số hóa, chuẩn hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; khối lượng công việc tăng lên phần nào làm ảnh hưởng đến thời gian, tiến độ giải quyết công việc.

Bộ thủ tục hành chính cấp tỉnh hiện nay đã được các sở, ban, ngành liên quan rà soát, đơn giản hóa, cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo chỉ đạo của UBND tỉnh; quy trình và phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính được công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh để tổ chức, cá nhân có thể dễ dàng tra cứu và thực hiện.

Từ năm 2020 đến 2022 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên các cuộc thanh tra, kiểm tra chuyển sang hình thức gián tiếp (thay vì trực tiếp đến Doanh nghiệp) nên thời gian thanh tra, kiểm tra diễn ra nhanh; tuy nhiên đến năm 2023 các cuộc thanh, kiểm tra được thực hiện tuân thủ Luật Thanh tra, Luật quản lý thuế theo đó thanh tra, kiểm tra diễn ra trực tiếp tại trụ sở doanh nghiệp thời gian thực hiện theo quy định (thông thường kéo dài từ 10 đến 45 ngày).

Nhóm chỉ tiêu đánh giá trên có giá trị tương đối cao và mức giảm của năm 2023 so với năm 2022 tương đối thấp (Chỉ từ 01% đến 03%). Việc giảm điểm, giá trị ở chỉ tiêu này chủ yếu phụ thuộc vào sự đánh giá chủ quan của các doanh nghiệp qua kết quả điều tra, khảo sát.

** Nguyên nhân chủ quan:*

Vẫn còn một bộ phận nhỏ cán bộ trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân chưa thực sự thân thiện, nhiệt tình, chưa nắm vững kiến thức chuyên môn, quy định của pháp luật dẫn đến việc hướng dẫn tổ chức cá nhân thực hiện thủ tục hành chính chưa được hiệu quả.

Cơ quan Thuế chưa làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền về thời gian thanh tra, kiểm tra theo quy định dẫn đến thông tin đánh giá Chỉ số PCI từ doanh nghiệp về VCCI chưa đúng với hoạt động thanh tra, kiểm tra.

d) Trách nhiệm theo dõi, giải trình đối với chỉ số Chi phí thời gian: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là đơn vị chủ trì; đơn vị phối hợp gồm: Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

1.5. Chỉ số Chi phí không chính thức:

Chỉ số Chi phí không chính thức: Đạt 7,41 điểm, tăng 0,53 điểm so với năm 2022 (năm 2022 đạt 6,88 điểm); xếp thứ 11/63 tỉnh, thành cả nước; xếp thứ

04/11 tỉnh, thành khu vực đồng bằng sông Hồng (tăng 03 bậc so với năm 2022). Chỉ số này được đánh giá dựa trên 16 chỉ tiêu, trong đó có 03 chỉ tiêu giảm giá trị so với năm 2022, cụ thể như sau:

a) 12 chỉ tiêu tăng giá trị và 01 chỉ tiêu có giá trị không thay đổi, với năm 2022: (Bảng 7 phụ lục đính kèm - Chi tiết chỉ số thành phần Chi phí không chính thức).

b) 03 chỉ tiêu giảm giá trị gồm:

- Tỷ lệ doanh nghiệp chi trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra (giá trị 16%, tăng 7% so với năm 2022);

- Tỷ lệ doanh nghiệp chi trả chi phí không chính thức để đẩy nhanh việc thực hiện thủ tục đất đai (giá trị 44%, tăng 15% so với năm 2022)

- Có tranh chấp song không lựa chọn Tòa án để giải quyết do lo ngại tình trạng “chạy án” là phổ biến (giá trị 48%, tăng 27% so với năm 2022).

c) Nguyên nhân của việc giảm giá trị:

* Nguyên nhân khách quan:

Năm 2023 là thời gian các bộ luật quan trọng, liên quan mật thiết đến hoạt động của cộng đồng doanh nghiệp đều trong giai đoạn cuối của quá trình sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hoặc đang trình Quốc hội xem xét thông qua (như: Luật Thanh tra, Luật Đất đai, Luật Hợp tác xã 2023, Luật Giao dịch điện tử 2023, Luật Đấu thầu 2023...). Cùng với đó, nhiều Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật ban hành chậm tiến độ đã tạo ra những khó khăn, vướng mắc về thể chế; tạo tâm lý chờ quy định mới. Việc chậm có quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động của các cơ quan Thanh tra (Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11/01/2024 của Chính phủ) đã ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý, hoạt động của cán bộ, công chức các cơ quan thanh tra, nhất là các cơ quan thanh tra chuyên ngành;

Các điều kiện kỹ thuật cần thiết triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến đã được quan tâm đầu tư, tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc như: một số hệ cơ sở dữ liệu quốc gia chưa hoàn thiện, chưa liên thông, kết nối chia sẻ giữa các bộ, ngành, giữa cơ quan nhà nước và hệ thống ngân hàng, dịch vụ bưu chính, viễn thông; quá trình thao tác, giải quyết hồ sơ vẫn còn vướng mắc, trực trực kỹ thuật, đường truyền, kết nối internet... dẫn đến khó khăn trong quá trình giải quyết dịch vụ công trực tuyến.

* Nguyên nhân chủ quan:

Việc giải quyết các hồ sơ, thủ tục hành chính liên quan đến Doanh nghiệp (đặc biệt là lĩnh vực về đất đai) còn có những hạn chế nhất định, nhiều hồ sơ thủ tục hành chính phải xin ý kiến các sở, ngành, địa phương; việc trả hồ sơ và yêu cầu doanh nghiệp hoàn thiện, bổ sung hồ sơ liên quan đến yếu tố chuyên môn trong nhiều lĩnh vực khác nhau; trong khi đó Bộ phận giám sát và giải quyết khiếu nại của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh có lực lượng mỏng, công chức thường luân phiên thay đổi, do đó gặp khó khăn trong tiếp cận công việc

Công tác thanh tra, kiểm tra công vụ đối với cán bộ, công chức trong giải quyết thủ tục hành chính chưa thể hiện được tác động, hiệu quả trên thực tiễn.

Bên cạnh đó tâm thế “muốn thỏa hiệp”, tâm lý “phải quan tâm, chăm sóc” đối với các đoàn thanh tra, kiểm tra của một số doanh nghiệp đã đưa các cán bộ thanh tra, kiểm tra vào tình thế bị động, tạo ra chi phí không chính thức cho doanh nghiệp;

e) Trách nhiệm theo dõi, giải trình đối với chỉ số Chi phí không chính thức: Thanh tra tỉnh là đơn vị chủ trì; đơn vị phối hợp gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành, địa phương liên quan.

1.6. Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng:

Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng: Đạt 5,71 điểm, tăng 0,84 so với năm 2022 (năm 2022 đạt 4,87 điểm); xếp thứ 33/63 tỉnh, thành cả nước; xếp thứ 07/11 tỉnh, thành khu vực đồng bằng sông Hồng (tăng 03 bậc so với năm 2022). Được đánh giá dựa trên 11 chỉ tiêu, trong đó có 04 chỉ tiêu giảm giá trị so với năm 2022, cụ thể như sau:

a) 07 chỉ tiêu tăng giá trị: (Bảng 8 phụ lục đính kèm - Chi tiết chỉ số thành phần Cạnh tranh bình đẳng).

b) 04 chỉ tiêu giảm giá trị gồm:

- Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp cho địa phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp hoặc tài trợ/hỗ trợ khác (giá trị 80%, giảm 11% so với năm 2022);

- Tỉnh ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (giá trị 31%, tăng 8% so với năm 2022);

- Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (giá trị 22%, tăng 16% so với năm 2022);

- Miễn, giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (giá trị 30%, tăng 1% so với năm 2022).

c) Nguyên nhân của việc giảm giá trị:

** Nguyên nhân khách quan:*

Các dự án được hưởng ưu đãi đầu tư được quy định tại Luật Đầu tư, dự án thuộc đối tượng khuyến khích đầu tư theo định hướng thu hút đầu tư của tỉnh thường do các doanh nghiệp lớn, các nhà đầu tư có tiềm lực về tài chính, công nghệ, kỹ thuật triển khai thực hiện;

Các doanh nghiệp, nhà đầu tư lớn thường có thương hiệu, uy tín, nhiều kinh nghiệm về thủ tục đầu tư, năng lực tài chính đảm bảo, đội ngũ cán bộ chuyên môn về pháp chế am hiểu về pháp luật; hồ sơ Doanh nghiệp đáp ứng được các yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, phương án nhân sự, kỹ thuật theo yêu cầu do đó thường được lựa chọn để thực hiện các Dự án nhanh chóng, thuận lợi hơn so với các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

** Nguyên nhân chủ quan:* Việc hướng dẫn, tuyên truyền cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc tiếp cận những thông tin về định hướng phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch, kế hoạch, thu hút đầu tư, cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp,... đôi khi còn chưa đầy đủ, kịp thời. Tinh thần thái độ của một số

cán bộ công chức khi tiếp xúc, giải quyết công việc với doanh nghiệp đôi khi chưa được tận tình, chu đáo.

d) Trách nhiệm theo dõi, giải trình đối với chỉ số Cạnh tranh bình đẳng: Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị chủ trì; đơn vị phối hợp gồm: Sở Công Thương và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

1.7. Chỉ số Tính năng động tiên phong của chính quyền:

Chỉ số Tính năng động của chính quyền tỉnh: Đạt 7,38 điểm, tăng 0,18 điểm so với năm 2022 (năm 2022 đạt 7,20 điểm); xếp thứ 2/63 tỉnh, thành cả nước; xếp thứ 01/11 tỉnh, thành khu vực đồng bằng sông Hồng (tăng 02 bậc so với năm 2022). Chỉ số này được đánh giá dựa trên 09 chỉ tiêu, trong đó có 05 chỉ tiêu giảm điểm, giảm giá trị so với năm 2022, cụ thể như sau:

a) 04 chỉ tiêu tăng giá trị: (Bảng 9 phụ lục đính kèm - Chi tiết chỉ số thành phần Tính năng động của Chính quyền tỉnh).

b) 05 chỉ tiêu giảm giá trị cụ thể gồm:

- Thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực (giá trị 77%, giảm 11% so với năm 2022);

- UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật, nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi (giá trị 94%, giảm 2% so với năm 2022);

- UBND tỉnh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (giá trị 90%, giảm 5% so với năm 2022);

- Chủ trương, chính sách của tỉnh, thành phố đối với việc tạo thuận lợi hoạt động là ổn định và nhất quán (giá trị 21%, giảm 20% so với năm 2022);

- Tỷ lệ doanh nghiệp tin tưởng rằng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của mình (giá trị 89%, giảm 1% so với năm 2022).

c) Nguyên nhân của việc giảm giá trị:

* *Nguyên nhân khách quan:* Thời gian vừa qua, một số cán bộ đứng đầu cấp ủy, chính quyền của một số tỉnh, một bộ phận cán bộ, đảng viên thực thi nhiệm vụ ở những lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, đấu thầu, các dự án, quản lý bảo vệ rừng, tài nguyên môi trường, tài chính... để xảy ra nhiều vụ việc nghiêm trọng gây hậu quả nghiêm trọng và bị xử lý hình sự; dẫn đến tình trạng một bộ phận cán bộ, đảng viên mất niềm tin, không dám làm hoặc thụ động chờ xin ý kiến của cấp trên, xin ý kiến các bộ, ngành rồi mới triển khai thực hiện, làm chậm trễ, ảnh hưởng tới tiến độ thủ tục hành chính.

* *Nguyên nhân chủ quan:* Công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tại các sở, ngành, đơn vị liên quan trong tỉnh còn nhiều hạn chế, chưa nhận thức đúng về vị trí, tầm quan trọng của chỉ số PCI trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; việc gắn trách nhiệm của các sở, ngành trong nâng cao chất lượng các chỉ số thành phần của PCI chưa cương quyết và chưa có sự gắn kết; ý thức trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, công chức thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp còn ở mức độ khiếm tốn; công tác cải cách hành chính hỗ trợ trực tiếp

cho người dân, doanh nghiệp vẫn còn hạn chế, bộc lộ nhiều vấn đề cần phải khắc phục; chất lượng công tác tham mưu, hướng dẫn vận dụng chính sách vẫn còn chậm, chưa quyết liệt dẫn đến tiến độ giải quyết vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp bị kéo dài.

Mặc dù môi trường kinh doanh của tỉnh đã có chuyển biến tích cực trong thời gian vừa qua, nhưng chất lượng thực thi ở cấp huyện và cấp sở ngành vẫn còn hạn chế, lãnh đạo tỉnh có chủ trương, chính sách đúng đắn nhưng chưa được thực hiện tốt ở cấp huyện và cấp sở ngành. Bên cạnh đó, dù thống nhất quan điểm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho kinh tế tư nhân, nhưng các chính sách được đưa ra chưa làm hài lòng cộng đồng doanh nghiệp... Đây chính là những “điểm nghẽn” cần được nhìn nhận và chú trọng cải thiện.

Còn một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, nhất là những người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ chưa có ý thức, tinh thần trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ, giúp đỡ doanh nghiệp. Sự phối hợp giữa các ngành, địa phương trong giải quyết khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp chưa tốt. Việc công khai các quy hoạch ngành, lĩnh vực trên Cổng thông tin dịch vụ công của tỉnh còn chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp và người dân. Công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong giải quyết các thủ tục hành chính cho doanh nghiệp chưa linh hoạt, ảnh hưởng đến thời gian giải quyết cho doanh nghiệp.

Công tác đối thoại với doanh nghiệp để giải quyết những vấn đề khó khăn, vướng mắc chưa thực sự được quan tâm đúng mức. Một số kiến nghị của doanh nghiệp chưa được giải quyết một cách triệt để, thời gian giải quyết kéo dài, đùn đẩy xin ý kiến các bộ, ngành chuyên môn.

d) Trách nhiệm theo dõi, giải trình đối với chỉ số Tính năng động tiên phong của chính quyền: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là đơn vị chủ trì; đơn vị phối hợp gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

2. Các chỉ số giảm điểm (có 03/10 chỉ số)

2.1. Chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp:

Chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp: Đạt 5,26 điểm, giảm 0,51 điểm so với năm 2022 (năm 2022 đạt 5,77 điểm) - đây là năm thứ 2 liên tiếp bị giảm điểm; xếp thứ 57/63 tỉnh, thành cả nước; xếp thứ 11/11 tỉnh, thành khu vực đồng bằng sông Hồng (giảm 03 bậc so với năm 2022). Chỉ số này được đánh giá dựa trên 13 chỉ tiêu, trong đó có 08 chỉ tiêu giảm giá trị so với năm 2022, cụ thể như sau:

a) 03 chỉ tiêu tăng giá trị và 02 chỉ tiêu giữ nguyên mức: (Bảng 10 phụ lục đính kèm - Chi tiết chỉ số thành phần Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp).

b) 08 chỉ tiêu giảm giá trị cụ thể gồm:

- Thủ tục cấp bảo lãnh tín dụng cho DNNVV để thực hiện (giá trị 60%, giảm 22% so với năm 2022);

- Thủ tục đề CQNN hỗ trợ tăng cường năng lực doanh nghiệp để thực hiện (giá trị 73%, giảm 17% so với năm 2022);

- Thủ tục đề được giảm giá thuê mặt bằng tại khu/cụm CN là để thực hiện (giá trị 56%, giảm 19% so với năm 2022);

- Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn pháp luật khi sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN để thực hiện (giá trị 62%, giảm 12% so với năm 2022);

- Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn thông tin thị trường khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN để thực hiện (giá trị 60%, giảm 14% so với năm 2022);

- Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng ngân sách nhà nước về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp để thực hiện (giá trị 45%, giảm 30% so với năm 2022);

- Thủ tục để được miễn, giảm chi phí chi phí đào tạo nghề cho người lao động để thực hiện (giá trị 56%, giảm 24% so với năm 2022);

- Tỷ lệ doanh nghiệp có biết đến các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTAs (giá trị 16%, giảm 31% so với năm 2022).

c) Nguyên nhân của việc giảm giá trị:

* *Nguyên nhân khách quan:* Phần lớn doanh nghiệp trong tỉnh Thái Bình là những doanh nghiệp nhỏ và vừa, quy mô vốn nhỏ, doanh nghiệp chưa có thương hiệu, mức độ chuyên nghiệp chưa cao, có thói quen tự thực hiện các hoạt động như: tìm kiếm thông tin thị trường, tìm kiếm đối tác, xúc tiến thương mại, đổi mới, cải thiện công nghệ, thiết bị, tư vấn pháp luật mà chưa hoặc ít sử dụng dịch vụ của các doanh nghiệp, tổ chức chuyên nghiệp cung cấp dịch vụ để thực hiện các hoạt động nêu trên.

Trong bối cảnh nhiều nhân tố rủi ro bất định và biến động đầy thách thức của tình hình thế giới (như: Thiên tai, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, căng thẳng địa chính trị, lạm phát cao, thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu suy giảm, hàng rào bảo hộ, phòng vệ thương mại gia tăng ...), các doanh nghiệp phải đối mặt, đương đầu với nhiều khó khăn về tiếp cận tín dụng, tìm kiếm khách hàng, biến động thị trường, thiếu hụt nguồn nhân lực lành nghề, cũng như các thủ tục hành chính...; chính sách hỗ trợ Doanh nghiệp của tỉnh hầu như chỉ trông chờ vào Trung ương, không có sự thay đổi đột biến.

* *Nguyên nhân chủ quan:*

Sự gắn kết giữa các hội, hiệp hội Doanh nghiệp với các Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn chưa chặt chẽ; còn tình trạng né tránh những vấn đề khó, những vấn đề nhạy cảm trong giải quyết các vấn đề liên quan đến thủ tục hành chính.

Đối với các hiệp định thương mại tự do, mặc dù Sở Công Thương đã thường xuyên tổ chức các hội nghị phổ biến, tập huấn nghiệp vụ, hỗ trợ... nhưng một số doanh nghiệp vẫn còn thờ ơ, chưa thực sự quan tâm đến lợi ích của việc thực thi các Hiệp định Thương mại tự do song phương, đa phương mà Việt Nam là thành viên nên chưa tận dụng hết được lợi thế về ưu đãi thuế quan trong hoạt động xuất nhập khẩu.

Mặt khác một số chỉ tiêu thành phần dùng để đánh giá Chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp còn mang tính trừu tượng, khó hiểu, chưa phân công, chưa thể hiện rõ nhiệm vụ, trách nhiệm các sở, ban, ngành, địa phương.

e) Trách nhiệm theo dõi, giải trình đối với chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp: Sở Công Thương là đơn vị chủ trì; đơn vị phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Khoa học và Công nghệ, Chi nhánh ngân hàng Nhà nước tỉnh, Chi cục Hải quan tỉnh, Ban quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và các đơn vị liên quan.

2.2. Chỉ số Đào tạo lao động:

Chỉ số Đào tạo lao động: Đạt 5,56 điểm, giảm 0,73 điểm so với năm 2022 (năm 2022 đạt 6,29 điểm); xếp thứ 43/63 tỉnh, thành cả nước; xếp thứ 11/11 tỉnh, thành khu vực đồng bằng sông Hồng (giảm 05 bậc so với năm 2022). Chỉ số này được đánh giá dựa trên 11 chỉ tiêu, trong đó có 06 chỉ tiêu giảm giá trị so với năm 2022, cụ thể như sau:

a) 05 chỉ tiêu tăng giá trị: (Bảng 11 phụ lục đính kèm - Chi tiết chỉ số thành phần Đào tạo lao động).

b) 06 chỉ tiêu giảm giá trị cụ thể gồm:

- Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc tuyển dụng lao động phổ thông tại tỉnh là dễ dàng (giá trị 31%, giảm 28% so với năm 2022);

- Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc tuyển dụng cán bộ kỹ thuật tại tỉnh là dễ dàng (giá trị 16%, giảm 39% so với năm 2022);

- Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc tuyển dụng cán bộ quản lý, giám sát tại tỉnh là dễ dàng (giá trị 15%, giảm 38% so với năm 2022);

- Tỷ lệ chi phí tuyển dụng lao động trong tổng chi phí kinh doanh (giá trị 5,06, tăng 1,07 so với năm 2022);

- Tỷ lệ chi phí đào tạo lao động trong tổng chi phí kinh doanh (giá trị 8,25, tăng 1,24 so với năm 2022);

- Tỷ lệ lao động tại doanh nghiệp đã tốt nghiệp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (giá trị 45,49; giảm 1,12 so với năm 2022).

c) Nguyên nhân của việc giảm giảm giá trị:

* *Nguyên nhân khách quan:* Do tác động của những nguyên nhân khách quan (trong bối cảnh kinh tế thế giới, trong nước gặp rất nhiều khó khăn), đơn hàng bị giảm sút nên một số doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động (dệt, may, da giày, gia công các loại sản phẩm) đã phải điều chỉnh kế hoạch sản xuất; cắt giảm thời gian làm việc, cắt giảm nhân công. Khi thị trường phục hồi, có thêm đơn hàng mới, các doanh nghiệp phải tuyển thêm lao động hoặc tổ chức đào tạo lao động để đáp ứng nhu cầu sản xuất nên chi phí đào tạo lao động tăng lên. Mặt khác chất lượng lao động qua đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp và công nghệ sản xuất mới nên sau khi tuyển dụng, doanh nghiệp phải tổ chức đào tạo lại, bổ sung thêm kỹ năng, làm tăng thêm chi phí đào tạo lao động.

* *Nguyên nhân chủ quan:*

Các doanh nghiệp tuyển lao động gặp khó khăn vì lao động chưa qua đào tạo có nhiều cơ hội việc làm; người lao động có xu hướng theo đuổi các ngành nghề như thương mại - dịch vụ ngắn hạn, bán hàng online thường có giờ giấc phù hợp, thay vì đi làm việc trong doanh nghiệp. Mặt khác sau thời gian đại dịch

Covid-19 đã có sự dịch chuyển lao động giữa các địa phương, giữa các lĩnh vực sản xuất do đó tạo nên sự khan hiếm lao động trong một số lĩnh vực.

Năm 2023, tỉnh Thái Bình là địa phương thu hút đầu tư lớn, đặc biệt là đầu tư của các Doanh nghiệp FDI; tuy nhiên năng lực đào tạo của các cơ sở đào tạo lao động còn chưa đáp ứng được nhu cầu của các Doanh nghiệp, cơ cấu đào tạo lao động bất hợp lý; dẫn đến việc tuyển dụng lao động của Doanh nghiệp phát sinh nhiều chi phí.

d) Trách nhiệm theo dõi, giải trình đối với chỉ số Đào tạo lao động: Sở Lao động Thương binh và Xã hội là đơn vị chủ trì; đơn vị phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

2.3. Chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự:

Chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự: Đạt 7,87 điểm, giảm 0,63 điểm so với năm 2022 (năm 2022 đạt 8,50 điểm); xếp thứ 16/63 tỉnh, thành cả nước; xếp thứ 04/11 tỉnh, thành khu vực đồng bằng sông Hồng (giảm 03 bậc so với năm 2022). Chỉ số này được đánh giá dựa trên 18 chỉ tiêu, trong đó có 15 chỉ tiêu giảm giá trị so với năm 2022, cụ thể như sau:

a) 03 chỉ tiêu tăng giá trị: (Bảng 12 phụ lục đính kèm - Chi tiết chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự).

b) 15 chỉ tiêu giảm giảm giá trị cụ thể gồm:

- Tỷ lệ doanh nghiệp tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (giá trị 94%, giảm 1% so với năm 2022);

- Tỷ lệ doanh nghiệp sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (giá trị 63%, giảm 8% so với năm 2022);

- Tỷ lệ doanh nghiệp tin rằng cấp trên không bao che và sẽ nghiêm túc xử lý kỷ luật cán bộ sai phạm (giá trị 55%, giảm 30% so với năm 2022);

- Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật (giá trị 89%, giảm 5% so với năm 2022);

- Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (giá trị 86%, giảm 6% so với năm 2022);

- Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (giá trị 88%, giảm 4% so với năm 2022);

- Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp (giá trị 89%, giảm 4% so với năm 2022);

- Các chi phí chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (giá trị 79%, giảm 6% so với năm 2022);

- Các chi phí không chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (giá trị 80%, giảm 4% so với năm 2022);

- Phán quyết của tòa án là công bằng (giá trị 85%, giảm 9% so với năm 2022);

- Tỷ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh trên tổng số nguyên đơn tại Tòa án kinh tế tỉnh (giá trị 84%, tăng 1% so với năm 2022);

- Tỷ lệ các vụ án kinh tế đã được giải quyết (giá trị 88%, giảm 1% so với

năm 2022);

- Tỷ lệ doanh nghiệp bị trộm cắp hoặc bị đột nhập vào năm vừa qua (giá trị 6%, tăng 5% so với năm 2022);

- Cơ quan công an sở tại xử lý vụ việc của doanh nghiệp hiệu quả (giá trị 88%, giảm 9% so với năm 2022);

- Tỷ lệ doanh nghiệp phải trả tiền bảo kê cho các băng nhóm côn đồ, tổ chức xã hội đen để yên ổn làm ăn (giá trị 1%, tăng 1% so với năm 2022).

c) Nguyên nhân của việc giảm giảm giá trị:

** Nguyên nhân khách quan:*

Nền kinh tế của tỉnh phát triển nhanh, cùng với việc Việt Nam đang hội nhập quốc tế sâu rộng, tăng cường hợp tác kinh tế, thương mại với nhiều tổ chức, cá nhân nước ngoài, các tranh chấp trong hoạt động sản xuất kinh cũng vì thế mà ngày càng nhiều và phức tạp hơn; việc giải quyết các tranh chấp, các khiếu nại liên quan đến yếu tố nước ngoài phải được các cơ quan thực thi pháp luật nghiên cứu kỹ lưỡng trước khi thông báo cho các bên.

** Nguyên nhân chủ quan:*

Năm 2022-2023, trên địa bàn tỉnh thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư, đặc biệt là các Doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng các Khu, cụm công nghiệp dẫn đến tình trạng phức tạp trong công tác an ninh trật tự mà chính quyền, cơ quan thực thi pháp luật chưa theo kịp. Mặt khác công tác phổ biến, tuyên truyền, tập huấn kiến thức pháp luật cho người dân, doanh nghiệp chưa được quan tâm đúng mức.

Công tác quản lý địa bàn, quản lý đối tượng, công tác tuần tra, kiểm soát vũ trang của Công an cấp cơ sở có lúc, có nơi còn hạn chế, chưa kịp thời. Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp còn chủ quan, lơ là trong công tác bảo vệ, quản lý để tài sản, không có biện pháp quản lý tài sản hữu hiệu.... Khi xảy ra các vụ việc, DN chưa kịp thời trình báo, ảnh hưởng đến công tác điều tra, xác minh, xử lý đối tượng theo quy định của pháp luật; bên cạnh đó vẫn còn tình trạng doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh vi phạm pháp luật, bị xử lý hình sự, xử lý vi phạm hành chính, ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa doanh nghiệp với cơ quan thi hành pháp luật.

Ứng xử của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ chưa thực sự chuẩn mực, nên đã ảnh hưởng đến niềm tin của công dân, tổ chức, doanh nghiệp đối với hệ thống cơ quan quản lý nhà nước. Tình trạng vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính vẫn còn xảy ra ở một số nơi, gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân và hình ảnh của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

d) Trách nhiệm theo dõi, giải trình đối với chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự: Sở Tư pháp là đơn vị chủ trì; đơn vị phối hợp: Công an tỉnh, Viện kiểm soát tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

3. Nhận xét chung

3.1. Đánh giá chung về nguyên nhân tăng giá trị :

Trong năm 2023, công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh tiếp tục được các cấp, các ngành, địa phương từ tỉnh đến cơ sở quan tâm triển khai thực hiện; được xác định là nhiệm vụ quan trọng trong chỉ đạo điều hành; nhận thức của từng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, cùng với đó nhận thức về công tác thu hút đầu tư có sự thay đổi theo hướng tích cực, đồng thời đã nắm rõ ý nghĩa tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành, từng địa phương.

Công tác cải cách thủ tục hành chính tiếp tục được rà soát và thực hiện thường xuyên liên tục, đảm bảo toàn diện, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả; các sở, ngành, địa phương liên tục rà soát các thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ trong các lĩnh vực do đơn vị mình quản lý, đồng thời rà soát, đơn giản hoá thành phần hồ sơ và cắt giảm thời gian giải quyết các thủ tục hành chính, niêm yết công khai, minh bạch quy trình thực hiện của từng loại thủ tục để doanh nghiệp và người dân biết và thực hiện có hiệu quả.

Các chủ trương cơ chế, chính sách ban hành từ năm trước được triển khai đồng bộ và bắt đầu phát huy có hiệu quả; đồng thời Lãnh đạo tỉnh thường xuyên nắm bắt các khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, chỉ đạo các sở, ngành và các đơn vị có liên quan tập trung các biện pháp tháo gỡ kịp thời, thực chất; tiếp nhận những vướng mắc, bất cập trong chính sách (vượt thẩm quyền giải quyết của tỉnh) báo cáo Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương tháo gỡ cho doanh nghiệp.

Hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả cấp huyện, ngày càng hiệu quả, tạo thuận lợi hơn cho doanh nghiệp và người dân: Giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, chuẩn hóa, số hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ; giải quyết các thủ tục hành chính theo hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình và thực hiện giải quyết 100% thủ tục hành chính theo phương án "5 tại chỗ". Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát công vụ, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh các hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà đối với người dân và doanh nghiệp. Nhiệm vụ cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh được đưa vào tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức hằng năm.

Công tác hỗ trợ, xúc tiến đầu tư tiếp tục được tập trung vào những thị trường trọng điểm, những lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư mà tỉnh định hướng; việc phối hợp với các cơ quan Trung ương, cơ quan đại diện của nước ngoài tại Việt Nam giới thiệu môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh có nhiều chuyên biến tích cực đạt được hiệu quả nhất định.

Hạ tầng giao thông kết nối Thái Bình với các tỉnh, thành phố trong khu vực (như: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh...) đang được gấp rút hoàn thành, dự kiến cuối năm 2024 sẽ đưa một số công trình, dự án đi vào sử dụng; hạ tầng công nghiệp trong Khu kinh tế Thái Bình (KCN Liên Hà Thái, KCN Tiên Hải, KCN Hải Long, KCN VSIP) được tập trung mọi nguồn lực để đầu tư; thu hút,

lựa chọn được các nhà đầu tư có uy tín, năng lực và kinh nghiệm đầu tư xây dựng, phát triển Khu kinh tế Thái Bình.

3.2. Về chỉ số PCI và đánh giá các chỉ số thành phần

- Mặc dù chỉ số PCI của tỉnh Thái Bình năm nay không nằm trong Top 30 tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành kinh tế tốt nhất trong năm 2023; tuy nhiên trong khu vực đồng bằng sông Hồng và trong 63 tỉnh, thành phố có một số Chỉ tiêu thành phần đạt thứ hạng cao như: Tính năng động tiên phong của chính quyền (xếp thứ nhất vùng đồng bằng sông Hồng và xếp thứ 2/63 tỉnh, thành phố), Chi phí Gia nhập thị trường (xếp thứ 3 vùng đồng bằng sông Hồng và xếp thứ 15/63 tỉnh, thành phố), Chi phí không chính thức (xếp thứ 4 vùng đồng bằng sông Hồng và xếp thứ 11/63 tỉnh, thành phố), Tiếp cận đất đai (xếp thứ 4 vùng đồng bằng sông Hồng và xếp thứ 10/63 tỉnh, thành phố);

- Theo báo cáo của VCCI, việc khảo sát các doanh nghiệp FDI được thực hiện điều tra hơn 1.500 doanh nghiệp có vốn FDI từ các tỉnh, thành phố, trong đó tập trung vào 25 địa phương có số doanh nghiệp FDI nhiều nhất tại Việt Nam; Trong năm 2023, việc thu hút FDI của Thái Bình đạt kết quả tốt (đứng thứ 5/63 tỉnh, thành phố về thu hút số lượng và quy mô dự án FDI). Phần lớn các nhà đầu tư, doanh nghiệp FDI đều đánh giá cao môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh Thái Bình.

- Một số các chỉ tiêu trong chỉ số thành phần trong chỉ số PCI còn mang tính chất định tính và một chiều (như: Chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật (% DN Đồng ý); Vai trò của các Hiệp hội doanh nghiệp địa phương trong việc xây dựng và phản biện chính sách, quy định của tỉnh là quan trọng (% DN),...).

3.3. Về báo cáo của các sở, ngành: Một số báo cáo giải trình chưa làm rõ nguyên nhân giảm điểm, giá trị của từng chỉ số thành phần.

III. MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ CẢI THIỆN CHỈ SỐ PCI TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Mục tiêu

Tập trung cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh; cải thiện các điểm số, giá trị của từng chỉ số thành phần trong chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) giai đoạn 2021 - 2025, đặc biệt chú trọng đến các chỉ số thành phần bị giảm điểm, giảm giá trị, các chỉ số nằm ngoài Top 30 tỉnh, thành phố. Phần đầu năm 2024 lọt vào Bảng xếp hạng PCI Top 30 tỉnh, thành phố được xếp hạng; đến năm 2025 đứng trong nhóm từ thứ 20 đến thứ 25 trong bảng xếp hạng PCI của cả nước.

2. Một số giải pháp chủ yếu đối với từng chỉ số thành phần

2.1. Giải pháp chung

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện những nội dung sau:

Thực hiện quyết liệt việc công tác cải cách hành chính; kịp thời xử lý, giải quyết các vấn đề đặt ra từ thực tiễn nhằm giải đáp, tháo gỡ những khó khăn,

vướng mắc của người dân, tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính, nâng cao chỉ số cải cách hành chính của tỉnh (PAR Index). Trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính (TTHC) phải đảm bảo công khai minh bạch, nâng cao trách nhiệm, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện các dịch vụ công.

Đề ra những giải pháp để khắc phục những hạn chế, yếu kém, đặc biệt là hạn chế, yếu kém trong giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp, TTHC giữa các cơ quan hành chính với nhau, giữa cấp dưới với cấp trên nhằm đẩy nhanh tiến độ giải quyết các TTHC, nâng cao mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của chính quyền các cấp trong thực hiện TTHC. Phần đầu năm 2024, Chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của chính quyền các cấp trong tỉnh (SIPAS) đạt trên 90%, đến năm 2025 đạt trên 95%.

Người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm trong việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính; chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể, có giải pháp, sáng kiến thiết thực, phù hợp nhu cầu người dân, nhất là trong việc giải quyết thủ tục hành chính ở Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã; nhanh chóng giải quyết những khó khăn, vướng mắc, phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính; tuyên truyền về các lợi ích thiết thực trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến để cá nhân, tổ chức biết, sử dụng, thúc đẩy sự tham gia đồng hành trong việc giám sát và phản hồi ý kiến về chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước. Bố trí công chức thực hiện nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính phải có trình độ chuyên môn, nắm chắc quy trình giải quyết từng vụ việc cụ thể, ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin; thường xuyên tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính.

Đẩy mạnh rà soát, đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, tạo đột phá trong công tác cải cách hành chính trên cơ sở bám sát các quy định của pháp luật, nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Trung ương, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; chủ động, tích cực, sáng tạo trong việc tổ chức triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính; đồng thời, tăng cường kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện tại các đơn vị, địa phương. Thường xuyên chủ động nghiên cứu, sáng tạo và mạnh dạn áp dụng các mô hình cải cách mới có tính đột phá. Tăng cường chia sẻ kinh nghiệm giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương để lan tỏa thực tiễn tốt về cải cách hành chính.

Cần thống nhất nhận thức và xác định việc nâng cao điểm số, xếp hạng các tiêu chí thành phần của Chỉ số PCI thuộc phạm vi, lĩnh vực phụ trách là nhiệm vụ chính trị trọng tâm; gắn kết quả đạt được trong xếp hạng Chỉ số PCI với việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét các danh hiệu thi đua của cơ quan, đơn vị.

Các cơ quan, địa phương, đơn vị quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo để thúc đẩy việc không ngừng tìm tòi, triển khai, áp dụng đồng bộ các giải pháp để cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tổ chức thực hiện hiệu quả các biện pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp như tổ chức đối thoại, tọa đàm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ giải quyết công việc liên quan

đến doanh nghiệp ngày một nhanh chóng, công khai, minh bạch; rà soát, đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết, đơn giản hóa thành phần hồ sơ thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến; tiếp tục thực hiện quyết liệt các biện pháp nhằm triển khai hiệu quả Đề án 06, góp phần xây dựng kinh tế số, xã hội số.

2.2. Giải pháp cụ thể đối với từng chỉ số thành phần

2.2.1. Chỉ số Gia nhập thị trường

- Tiếp tục rà soát các thủ tục hành chính đã niêm yết tại bộ phận Một cửa, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, đồng thời công khai trên website của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cổng thông tin điện tử của tỉnh ... để doanh nghiệp dễ tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện. Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến các quy định mới trong cấp kinh doanh có điều kiện, tăng cường đối thoại giữa các cơ quan tham mưu hoặc quyết định cấp kinh doanh có điều kiện với doanh nghiệp, rà soát báo cáo cấp có thẩm quyền, người có thẩm quyền những nội dung không khó khăn, vướng mắc liên quan đến cấp kinh doanh có điều kiện.

- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi công vụ. Thường xuyên phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ, các cơ quan đơn vị trong tỉnh để trao đổi xử lý công việc.

- Tăng cường hơn nữa việc giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực thi công vụ, thực hiện việc luân chuyển định kỳ đối với cán bộ, công chức làm việc, tiếp xúc với doanh nghiệp đúng quy định.

- Tăng cường công tác tuyên truyền để doanh nghiệp hiểu rõ hơn quy trình, thủ tục hành chính và hình thức nộp hồ sơ đăng ký, sửa đổi cấp đăng ký doanh nghiệp và cấp kinh doanh có điều kiện của sở, ngành, đơn vị.

2.2.2. Chỉ số Tiếp cận đất đai

- Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố tiếp tục thực hiện nghiêm thời gian giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định, kiểm soát tốt việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; Tăng cường phân cấp, phân quyền; nâng cao công tác phối hợp giữa các đơn vị liên quan trong quá trình giải quyết hồ sơ nhằm rút ngắn tối đa thời gian giải quyết hồ sơ. Tăng cường chuyển đổi số, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về đất đai, thường xuyên cập nhật cơ sở dữ liệu liên quan đất đai và xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung thuận lợi khai thác, sử dụng.

- Nâng cao chất lượng công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thực hiện tốt công tác dự báo cho phát triển các ngành, lĩnh vực để xác định nhu cầu sử dụng đất. Chủ động rà soát nhu cầu sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế xã hội ở địa phương, đảm bảo có quỹ đất phù hợp khi Doanh nghiệp đăng ký thực hiện dự án đầu tư; Thông tin cụ thể đến doanh nghiệp các chủ trương của tỉnh về thu hút đầu tư gắn với phát triển bền vững để doanh nghiệp chủ động lựa chọn, đề xuất các dự án đầu tư phù hợp; nâng cao nhận thức, đặc biệt là ý thức chấp hành pháp luật về đất đai của doanh nghiệp.

- Kịp thời tuyên truyền đến doanh nghiệp các chủ trương của Tỉnh ủy, UBND tỉnh để doanh nghiệp hiểu, đồng thuận. Cử cán bộ có năng lực, trách nhiệm, chuyên môn nghiệp vụ thực hiện; theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc tiến độ giải quyết thủ tục hành chính sau khi tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ đối với công chức, viên chức, kịp thời chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc theo Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc. Đề cao, gắn trách nhiệm của người đứng đầu đối với kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực phòng, đơn vị phụ trách.

- Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố tham mưu UBND tỉnh tạo quỹ đất sạch để giao cho các nhà đầu tư thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất. Rà soát các quỹ đất công hiện có như: quỹ đất thu hồi từ các dự án đầu tư đã được giao đất, cho thuê đất; quỹ đất thu hồi sử dụng không đúng mục đích của các doanh nghiệp, quỹ đất không còn nhu cầu sử dụng do sắp xếp lại tổ chức hoặc chuyển đổi công năng, giảm nhu cầu sử dụng của các cơ quan trên địa bàn tỉnh, đất bãi bồi ven sông, ven biển chưa đưa vào khai thác, sử dụng. Tăng cường xúc tiến đầu tư, thu hút các nhà đầu tư thứ cấp khẩn trương lấp đầy diện tích đất khu cụm công nghiệp đã được giao.

- Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố tiếp thực hiện nghiêm thời gian giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định, kiểm soát tốt việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Nâng cao công tác phối hợp giữa các đơn vị liên quan trong quá trình giải quyết hồ sơ nhằm rút ngắn nhất thời gian giải quyết hồ sơ.

- Nâng cao chất lượng hiệu quả công tác hướng dẫn, tiếp nhận, thẩm định, giải quyết TTHC; thực hiện tốt công tác niêm yết, công khai thủ tục hành chính của ngành tại Trung tâm phục vụ hành chính công. Thường xuyên rà soát, bố trí công chức có trình độ, kinh nghiệm, trách nhiệm đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thực hiện tiếp nhận, thẩm định, giải quyết TTHC; công chức được giao tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công phải chủ động liên hệ bộ phận chuyên môn khi có vướng mắc phát sinh để thực hiện tốt nhất nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật về đất đai đến từng người dân.

2.2.3. Chỉ số Tỉnh minh bạch

- Tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng và hoàn thiện nền tảng chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình. Tăng cường ứng dụng và triển khai Chính phủ điện tử, nâng cao tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Các sở, ban, ngành, các địa phương nghiêm túc thực hiện công khai, minh bạch thông tin, cập nhật thông tin của ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước do mình quản lý trên website/trang thông tin điện tử của các đơn vị.

- Các sở, ban, ngành, huyện, thành phố cung cấp đầy đủ các thông tin theo Luật tiếp cận thông tin; Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính



phủ; đổi mới và đa dạng hóa hình thức cung cấp thông tin trên nhiều nền tảng để người dân và doanh nghiệp dễ tiếp cận, tra cứu thông tin.

- Tăng cường công tác tuyên truyền đến người dân và doanh nghiệp về Cổng TTĐT tỉnh, Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và các cổng thành phần để người dân và doanh nghiệp biết, tiếp cận và khai thác thông tin kịp thời.

- Tăng cường tổ chức buổi tập huấn, hướng dẫn doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao năng lực, hiệu quả thực thi công vụ trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; tăng cường công khai các thông tin liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước (quy hoạch, đất đai, tài chính - ngân sách,...) theo đúng quy định của pháp luật.

- Nâng cấp Cổng Thông tin điện tử tỉnh đáp ứng các yêu cầu của Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng và Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định cấu trúc, bố cục, yêu cầu kỹ thuật cho Cổng Thông tin điện tử và trang Thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

2.2.4. Chỉ số Chi phí thời gian

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, thực hiện tốt việc công khai các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh, các quy hoạch, kế hoạch và các tài liệu liên quan đến hoạt động thu hút đầu tư, các quy định của pháp luật để các doanh nghiệp có thể dễ dàng tra cứu và tìm hiểu.

- Tăng cường công tác hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thông qua các dịch vụ công trực tuyến đã được cung cấp.

- Thường xuyên rà soát lại quy trình thủ tục hành chính nhằm bảo đảm quy trình giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện một cách nhanh nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân.

- Chú trọng đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi công vụ; đề cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức nhất là những cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính, thường xuyên làm việc với các doanh nghiệp và người dân.

- Các cơ quan, đơn vị thực hiện số hóa các thành phần hồ sơ, dữ liệu đầu vào, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và sẵn sàng cho việc kết nối, chia sẻ.

2.2.5. Chỉ số Chi phí không chính thức

- Ngành Thanh tra quán triệt thực hiện nghiêm Quy định số 131- QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra có trọng tâm, trọng điểm tập trung vào các lĩnh vực quản lý nhà nước dễ phát sinh tiêu cực và những vấn đề dư luận quan tâm. Chú trọng công tác xử lý chông chéo trong hoạt động thanh tra đối với doanh nghiệp ngay từ khi xây dựng Kế hoạch thanh tra. Các sở, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao

chủ động, tích cực tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách thu hút đầu tư; thường xuyên rà soát để hoàn thiện thể chế nhằm tăng tính công khai, minh bạch, nâng cao sức hấp dẫn của môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh.

- Chú trọng công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là các đơn vị, cá nhân thường xuyên làm việc, tiếp xúc với người dân, doanh nghiệp về ý nghĩa, tầm quan trọng, tác động của Chỉ số PCI đối với môi trường đầu tư, kinh doanh và việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh; trên cơ sở đó, yêu cầu từng cá nhân cán bộ, công chức phải luôn có ý thức cầu thị, có tinh thần trách nhiệm; thường xuyên tự chấn chỉnh, hoàn thiện phương pháp làm việc, tác phong trong giao tiếp với người dân, doanh nghiệp; đồng thời xác định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quản lý đội ngũ cán bộ, công chức.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra công vụ; kiến nghị xử lý nghiêm các tập thể cá nhân có vi phạm theo quy định. Thanh tra tỉnh tiếp tục tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, tổ chức thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần cải thiện hơn nữa Chỉ số PCI của tỉnh.

2.2.6. Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng

- Các sở, ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao đề cao tinh thần trách nhiệm, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, trọng tâm là giải quyết thực chất những khó khăn cho doanh nghiệp. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị chuyên môn, công chức theo vị trí việc làm chịu trách nhiệm đối với việc nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh nói chung, chỉ số cạnh tranh bình đẳng nói riêng.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến quy hoạch, chủ trương, chính sách, thủ tục hành chính, lĩnh vực khuyến khích đầu tư, kinh doanh có điều kiện của ngành...đến các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để tránh sự hiểu nhầm giữa các doanh nghiệp; thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp.

- Tiếp tục nâng cao vai trò, chất lượng của Trung tâm Hỗ trợ, xúc tiến đầu tư và Phát triển tỉnh. Tăng cường nhân lực, trang bị cơ sở vật chất đảm bảo cho bộ phận thực hiện giải quyết thủ tục hành chính “5 tại chỗ” của các cơ quan, đơn vị trong giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp.

- Nêu cao tinh thần thái độ phục vụ các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp; thực hiện nghiêm túc Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi công vụ.

2.2.7. Chỉ số Tính năng động của Chính quyền tỉnh.

- Các sở, ngành, các địa phương liên quan cần tiếp tục nâng cao kỹ năng điều hành, tăng tính năng động; thể hiện rõ nét hơn mức độ thân thiện giữa chính quyền với doanh nghiệp. Tăng cường phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa các cấp chính quyền, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn với quyền hạn và

trách nhiệm; khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước. Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị trực thuộc (phòng, ban...) theo hướng tinh gọn đầu mối, khắc phục chồng chéo, dàn trải, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ.

- Các sở, ngành, địa phương căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao tham mưu Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nhằm tháo gỡ những "điểm nghẽn", "nút thắt" ảnh hưởng đến việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh (như: công tác giải phóng mặt bằng, việc thu hút đầu tư hệ thống hạ tầng kết nối, việc hoàn thiện các cơ chế chính sách về thu hút đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, việc nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư...).

- Các sở, ngành, địa phương tiếp tục phổ biến, quán triệt, nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức trong công tác thực thi công vụ, thực hiện đúng chủ trương chính sách của tỉnh về thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đẩy mạnh cải cách hành chính, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

- Tập trung đẩy mạnh cải cách quy trình, thủ tục theo hướng công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư, nhất là thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng...; đồng thời vận dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách của Trung ương nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp; phát huy hiệu quả Trang thông tin Thái Bình đồng hành cùng doanh nghiệp trên ứng dụng Zalo, hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo cấp tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp tỉnh, các Tổ công tác hỗ trợ doanh nghiệp, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh...

- Các sở, ban, ngành, các địa phương tăng cường phối hợp, đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tiếp nhận, xử lý những phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức; xử lý kịp thời những thông tin phản ánh của người dân và doanh nghiệp về đường dây nóng cải cách hành chính; đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin, chú trọng xây dựng hình ảnh của cơ quan, quảng bá hình ảnh phát triển của địa phương trong cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

- Định kỳ tổ chức các hội nghị Lãnh đạo tỉnh gặp mặt doanh nghiệp nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, đồng thời chúc mừng, cổ vũ, ghi nhận, biểu dương tinh thần đóng góp của cộng đồng doanh nghiệp.

2.2.8. Chỉ số Chính sách Hỗ trợ doanh nghiệp

Tuyên truyền, triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ. Triển khai tích cực các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Kế hoạch hành động số 13/KHHĐ-UBND ngày 25/01/2024 của UBND. Tăng cường trách nhiệm, tính chủ động của các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện nhiệm vụ trọng tâm, cải thiện chỉ số thành phần của chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

Tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ cải cách hành chính, thực hiện cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh, nâng cao điểm số và xếp hạng PCI của tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị; phát huy vai trò của người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo tại cơ quan đơn vị; thực hiện nghiêm Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định trách nhiệm của người đứng đầu, công chức, viên chức trong việc thực hiện cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Siết chặt kỷ cương, kỷ luật, tăng cường liêm chính sáng tạo, nâng cao hiệu quả công vụ để đáp ứng yêu cầu cải cách nền hành chính theo hướng phục vụ lợi ích của người dân và doanh nghiệp.

Tăng cường công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương trong việc tháo gỡ vướng mắc, khó khăn một cách thực chất cho doanh nghiệp, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc nghiên cứu và thực hiện đầu tư kinh doanh, thực hiện các thủ tục hành chính theo đúng quy định. Đa dạng hóa các hình thức hỗ trợ doanh nghiệp; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ, tư vấn phát triển kinh doanh; hỗ trợ doanh nghiệp trong đầu tư mở rộng sản xuất, đăng ký bản quyền, thương hiệu, hỗ trợ thương mại điện tử, phát triển thị trường công nghệ, tổ chức cho các doanh nghiệp tham gia các hội chợ triển lãm trong tỉnh, ngoài tỉnh và nước ngoài... để mở rộng cơ hội quảng bá, giao thương, xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng các nền tảng số vào xúc tiến thương mại và quảng bá thương hiệu theo hướng kết hợp trực tiếp và trực tuyến giúp doanh nghiệp tiếp cận đối tác, thị trường xuất khẩu có hiệu quả ngay tại "nhà"; bám sát các chương trình xúc tiến thương mại trọng điểm quốc gia và các thành phố lớn tổ chức để hỗ trợ các doanh nghiệp và thông tin đến cho các doanh nghiệp để các doanh nghiệp tham gia; tranh thủ sự hỗ trợ của các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước để hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng và phát triển thương mại điện tử, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển thương hiệu...

Tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp trong tỉnh để các doanh nghiệp nhận thức được tầm quan trọng của các hoạt động xúc tiến thương mại đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và tích cực tham gia vào các chương trình xúc tiến thương mại, hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong tỉnh.

Tranh thủ sự hỗ trợ của các đại sứ quán, tham tán thương mại Việt Nam tại các nước và các đại sứ quán, các tổ chức xúc tiến của nước ngoài tại Việt Nam để giới thiệu về doanh nghiệp, sản phẩm của tỉnh để tìm kiếm đối tác hợp tác sản xuất, kinh doanh, đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài và hợp tác mở rộng, phát triển sản xuất. Tổ chức, tuyên truyền quảng bá, thu hút vận động được các doanh nghiệp nước ngoài phù hợp đến gặp gỡ, làm việc với doanh nghiệp của tỉnh để ký kết tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của các doanh nghiệp Thái Bình.

Triển khai hiệu quả Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, hoạt động khuyến công, khuyến thương; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực quản trị, đầu tư máy móc thiết bị, trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, đào tạo lao động; duy trì hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Thái Bình

để tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá thương hiệu và sản phẩm trên mạng internet.

2.2.9. Chỉ số Đào tạo lao động

Phối hợp với các sở, ngành liên quan, các huyện, thành phố tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Đề án đẩy mạnh đào tạo lao động có kỹ năng nghề, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 08/5/2023 của UBND tỉnh. Triển khai hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 15/5/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chính sách hỗ trợ học nghề chương trình chất lượng cao, học nghề thuộc danh mục nghề khuyến khích đào tạo và hỗ trợ học phí học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Tiếp tục tổ chức Hội nghị kết nối triển khai các hoạt động tăng cường hợp tác đào tạo nghề, cung ứng lao động cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2024 và tổ chức ký kết thỏa thuận hợp tác đào tạo lao động giữa với các trường nghề chất lượng cao với một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền pháp luật về lao động, việc làm và giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành. Chủ động phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan, các huyện, thành phố tham mưu cho tỉnh thực hiện các quy định pháp luật về lao động, việc làm và giáo dục nghề nghiệp đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định. Tăng cường phối hợp tổ chức các hoạt động kết nối đào tạo, cung ứng lao động theo nhu cầu của người sử dụng lao động.

Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Trung tâm Dịch vụ việc làm, các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm trong việc kết nối cung - cầu lao động giữa doanh nghiệp và người lao động; thực hiện linh hoạt các hoạt động dịch vụ tư vấn, cung ứng lao động đảm bảo yêu cầu, chất lượng cho doanh nghiệp. Đẩy mạnh hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm qua hệ thống Sàn giao dịch việc làm (trực tiếp và trực tuyến); thường xuyên tổ chức phiên giao dịch việc làm lưu động tại các khu công nghiệp, khu kinh tế và các huyện, kết nối nhu cầu tuyển sinh/tuyển dụng của người sử dụng lao động, cơ sở đào tạo với người lao động và học sinh, sinh viên.

Thực hiện rà soát, sắp xếp lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đảm bảo hoạt động hiệu quả, chất lượng. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, nhà giáo giáo dục nghề nghiệp hàng năm. Tiếp tục đề nghị các bộ, ngành Trung ương hỗ trợ kinh phí đầu tư mua sắm trang thiết bị đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Trung tâm GDNN-GDTX huyện, thành phố để nâng cao chất lượng đào tạo nghề.

2.2.10. Chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự

Tăng cường nắm, phân tích, đánh giá và dự báo sát, đúng tình hình, làm rõ những yếu tố tác động, ảnh hưởng đến an ninh kinh tế; căn cứ diễn biến tình hình trên địa bàn để kịp thời tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh các giải pháp

đảm bảo an ninh kinh tế, an ninh trong công nhân, an ninh tại các khu - cụm công nghiệp, khu kinh tế Thái Bình và doanh nghiệp FDI. Chủ động các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn cho các cá nhân, tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp nước ngoài trên địa bàn tỉnh; tập trung chỉ đạo thực hiện Kế hoạch kéo giảm 5% tội phạm về trật tự xã hội. Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh, Ban chỉ đạo 138 tỉnh chỉ đạo công tác phòng, chống tội phạm trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh; Thường xuyên rà soát, đưa vào diện quản lý nghiệp vụ các loại đối tượng có điều kiện khả năng và biểu hiện nghi vấn hoạt động phạm tội; Tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh, xử lý trách nhiệm của lực lượng chuyên trách và Công an cơ sở trong công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, bảo đảm mọi tin báo tố giác tội phạm liên quan đến doanh nghiệp phải được kịp thời xác minh, giải quyết theo quy định của pháp luật. Phân công cán bộ phong trào đến tuyên truyền, tư vấn công tác phòng, chống tội phạm tại doanh nghiệp, nhất là phòng, chống trộm cắp tài sản;

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền, cải cách thủ tục hành chính nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về tố cáo, nâng cao ý thức cảnh giác, lắp đặt các thiết bị phòng chống trộm cắp cho doanh nghiệp, người dân.

Tổ chức thực hiện hiệu quả các biện pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp như tổ chức đối thoại, tọa đàm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ giải quyết công việc liên quan đến doanh nghiệp nhanh chóng, công khai, minh bạch; rà soát, đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết, đơn giản hóa thành phần hồ sơ thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến; tiếp tục thực hiện quyết liệt các biện pháp nhằm triển khai hiệu quả Đề án 06 của Chính phủ (Đề án “phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”) góp phần xây dựng kinh tế số, xã hội số.

- Rà soát, đẩy nhanh tiến độ giải quyết, xét xử các vụ án liên quan đến các hoạt động kinh tế, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp. Cơ quan thi hành án có biện pháp đẩy nhanh tổ chức thi hành các vụ án đã xét xử, yêu cầu các bên chấp hành nghiêm quy định của pháp luật. Tiếp tục tăng cường công tác an ninh, bảo đảm trật tự, bảo vệ an toàn tài sản của doanh nghiệp.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ngành, địa phương, các đơn vị có liên quan:

Tiếp tục tập trung tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nghiêm túc thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị theo nhiệm vụ được giao trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, theo quy định tại Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của UBND tỉnh.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện các chỉ số thành phần PCI đã được UBND tỉnh chỉ đạo tại Báo cáo này. Định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả gửi về UBND tỉnh theo quy định.

2. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở ngành, đơn vị liên quan: Căn cứ kết quả công bố của VCCI hàng năm xây dựng báo cáo phân tích kết quả chỉ số PCI, trong đó nêu rõ trách nhiệm của các sở, ngành trong việc thực hiện các chỉ tiêu thành phần được giao; thường xuyên theo dõi, đôn đốc các sở, ngành, đơn vị trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm cải thiện nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh; tổng hợp kết quả triển khai thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Thường xuyên bám sát, làm việc với Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam để trao đổi, nắm bắt thêm thông tin, trao đổi kinh nghiệm để có phương hướng, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), trong thời gian tới; đồng thời làm rõ hơn về nguyên nhân, trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc bị giảm các chỉ tiêu thành phần.

3. Đề nghị Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh: (i) Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp trong tỉnh chủ động nghiên cứu các quy định của pháp luật, các quy định về giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính để hạn chế tình trạng hồ sơ không bảo đảm, không hợp lệ, phải chỉnh sửa nhiều lần. (ii) Tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp nắm vững chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội, tránh tình trạng hiểu lầm cho rằng tỉnh chỉ quan tâm thu hút đầu tư các dự án lớn, có công nghệ cao..., không có sự cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp. (iii) Phản ánh, trao đổi kịp thời tới lãnh đạo tỉnh, thủ trưởng các sở ngành liên quan các trường hợp cán bộ, công chức gây phiền hà, những nhiễu trong thi hành công vụ; những cơ quan và cán bộ, công chức có năng lực chuyên môn chưa đáp ứng yêu cầu để có biện pháp chấn chỉnh, xử lý phù hợp; (iv) Thực hiện tốt Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện, thành phố và các sở, ban, ngành (DDCI).

Trên đây là Báo cáo đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2023; các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện thứ hạng chỉ số PCI năm 2024. / *mv*

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Hỗ trợ, XTĐT và Phát triển tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Các phòng: TH, CTXDGT, NNTNMT, NCKS;
- Lưu: VT, KT *g*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Signature]

Nguyễn Quang Hưng

PHỤ LỤC

Bảng 1. Bảng chỉ số PCI năm 2023 (so sánh với năm 2022).

CHỈ SỐ	Điểm số		
	Năm 2022	Năm 2023	SS 2023/ 2022 (tăng "+"/ giảm "-")
1. Kết quả tổng hợp:	65,78	66,65	0,87
2. Chi tiết theo chỉ số:			
Gia nhập thị trường	7,10	7,54	0,44
Tiếp cận đất đai	6,94	7,19	0,25
Tính minh bạch	4,95	5,01	0,06
Chi phí thời gian	6,76	7,95	1,19
Chi phí không chính thức	6,88	7,41	0,53
Cạnh tranh bình đẳng	4,87	5,71	0,84
Tính năng động	7,20	7,38	0,18
Dịch vụ hỗ trợ Doanh nghiệp	5,77	5,26	-0,51
Đào tạo lao động	6,29	5,56	-0,73
Thiết chế pháp lý và ANTT	8,50	7,87	-0,63

Bảng 2. So sánh thứ hạng chỉ số thành phần của Thái Bình so với vùng đồng bằng Sông Hồng năm 2023.

TT	Chỉ số	Năm 2022	Xếp hạng Năm 2022	Năm 2023	Xếp hạng Năm 2023	So sánh năm 2023/2022 (tăng "+"/giảm "-")
1	Chi phí gia nhập thị trường	7.10	4	7.54	3	1
2	Tiếp cận đất đai	6.94	9	7.19	4	5
3	Tính minh bạch	4.95	11	5.01	11	Giữ mức
4	Chi phí về thời gian	6.76	11	7.95	6	5
5	Chi phí không chính thức	6.88	7	7.41	4	3
6	Cạnh tranh bình đẳng	4.87	10	5.71	7	3
7	Tính năng động	7.20	3	7.38	1	2
8	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	5.77	8	5.26	11	-3
9	Đào tạo lao động	6.29	6	5.56	11	-5
10	Thiết chế pháp lý và ANTT	8.50	1	7.87	4	-3

Bảng 3. Chi tiết chỉ số thành phần: Gia nhập thị trường.

TT	CSTP 1: Gia nhập thị trường	Năm 2022	Năm 2023	So sánh năm 2023/2022
		Giá trị	Giá trị	Giá trị (+, -) tăng/giảm
	Tổng số:	7,10	7,54	0,44
1	Thời gian đăng ký doanh nghiệp - số ngày (Giá trị trung vị)	11,0	7,0	4
2	Tỷ lệ doanh nghiệp phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp từ 2 lần trở lên	3%	8%	-5%
3	Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp - số ngày (Giá trị trung vị)	7	3,5	3,5
4	Tỷ lệ doanh nghiệp đăng ký hoặc sửa đổi đăng ký doanh nghiệp thông qua hình thức mới như đăng ký trực tuyến, đăng ký ở trung tâm hành chính công hoặc qua bưu điện (%)	39%	28%	-11%
5	Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai (% doanh nghiệp Đồng ý)	100%	100%	Giữ mức
6	Hướng dẫn thủ tục rõ ràng, đầy đủ (% doanh nghiệp Đồng ý)	100%	100%	Giữ mức
7	Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn (% doanh nghiệp Đồng ý)	93%	94%	1%
8	Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện (% doanh nghiệp Đồng ý)	100%	100%	Giữ mức
9	Việc khai trình việc sử dụng lao động, đề nghị cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội và đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp được thực hiện đồng thời trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (% doanh nghiệp Đồng ý)	57%	61%	4%
10	Hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ (%)	29%	45%	16%
11	Doanh nghiệp không gặp khó khăn gì khi thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện (%)	24%	41%	17%
12	Quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định (% doanh nghiệp Đồng ý)	26%	43%	17%
13	Thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định (% doanh nghiệp đồng ý)	21%	37%	16%
14	Chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật (% doanh nghiệp Đồng ý)	26%	41%	15%
15	Tỷ lệ doanh nghiệp phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (%)	0%	0%	Giữ mức
16	Tỷ lệ doanh nghiệp phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục sửa đổi đăng ký doanh nghiệp (%)	0%	3%	-3%
17	Tỷ lệ doanh nghiệp phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện (%)	11%	10%	1%
18	Tỷ lệ doanh nghiệp phải chờ hơn MỘT tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)	7%	6%	1%
19	Tỷ lệ doanh nghiệp phải chờ hơn BA tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)	3%	3%	Giữ mức

Bảng 4. Chi tiết chỉ số thành phần: Tiếp cận đất đai.

TT	CSTP 2: Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất	Năm 2022	Năm 2023	So sánh năm 2023/2022
		Giá trị	Giá trị	Giá trị (+, -) tăng/giảm
	Tổng số	6,94	7,19	0,25
1	Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ (trung vị)	30,0	30,0	Giữ mức
2	Doanh nghiệp tư nhân không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh (% Đồng ý)	0,69	0,65	-0,04
3	Tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn về thiếu quỹ đất sạch (%)	14%	15%	-1%
4	Tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn về tiến độ giải phóng mặt bằng chậm (%)	29%	14%	15%
5	Thông tin, dữ liệu về đất đai không được cung cấp thuận lợi, nhanh chóng (%)	21%	16%	5%
6	Thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định (%)	50%	72%	-22%
7	Cán bộ nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính không hướng dẫn chi tiết, đầy đủ (%)	29%	52%	-23%
8	Các thủ tục xác định giá trị quyền sử dụng đất rất mất thời gian (%)	100%	36%	64%
9	Doanh nghiệp đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất thấp; 5=Rất cao)	1,80	1,72	0,08
10	Tỷ lệ doanh nghiệp tin rằng sẽ được bồi thường thỏa đáng khi bị thu hồi đất (%)	15%	13%	-2%
11	Sự thay đổi bảng giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (% Đồng ý)	85%	87%	2%
12	Tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục (%)	89%	60%	-29%
13	Tỷ lệ doanh nghiệp có nhu cầu được cấp GCNQSDĐ nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/ lo ngại cán bộ nhũng nhiễu (%)	38%	24%	14%
14	Tỷ lệ doanh nghiệp phải trì hoãn / hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai	43%	43%	Giữ mức

Bảng 5. Chi tiết chỉ số thành phần: Tỉnh minh bạch

TT	CSTP 3: Tỉnh Minh bạch	Năm 2022	Năm 2023	So sánh năm 2023/2022
		Giá trị	Giá trị	Giá trị (+, -) tăng/giảm
	Tổng số	4,95	5,01	0,06
1	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Không thể; 5=Rất dễ)	3,11	3,04	-0,07
2	Tiếp cận tài liệu pháp lý (1=Không thể; 5=Rất dễ)	3,15	3,06	-0,09
3	Minh bạch trong đấu thầu (% Đồng ý)	23%	67%	44%
4	Tỷ lệ doanh nghiệp nhận được thông tin, văn bản cần khi yêu cầu cơ quan trong tỉnh cung cấp (%)	25%	32%	7%
5	Số ngày chờ đợi để nhận được thông tin, văn bản yêu cầu (Trung vị)	5	1	4
6	Thông tin trên website của tỉnh về các ưu đãi/khuyến khích/hỗ trợ đầu tư của tỉnh là hữu ích (% Đồng ý)	32%	54%	22%
7	Thông tin trên website của tỉnh về các quy định về thủ tục hành chính là hữu ích (% Đồng ý)	50%	58%	8%
8	Thông tin trên website của tỉnh về các văn bản điều hành, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh là hữu ích (% Đồng ý)	36%	48%	12%
9	Thông tin trên các website của tỉnh về các văn bản pháp luật của tỉnh là hữu ích (% Đồng ý)	45%	56%	11%
10	Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh (% Quan trọng hoặc Rất quan trọng)	14%	18%	-4%
11	Thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh (% Đồng ý)	85%	53%	32%
12	Thỏa thuận về các khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế giúp doanh nghiệp giảm được số thuế phải nộp (% Đồng ý)	32%	63%	-31%
13	Vai trò của các hiệp hội doanh nghiệp địa phương trong việc xây dựng và phản biện chính sách, quy định của tỉnh là quan trọng (% doanh nghiệp)	86%	92%	6%
14	Khả năng dự liệu được việc thực thi của tỉnh với quy định pháp luật của Trung ương (% Có thể)	11%	40%	29%
15	Khả năng dự liệu được thay đổi quy định pháp luật của tỉnh (% Có thể)	12%	38%	26%
16	Chất lượng website của tỉnh	51,91	29,00	-22,91
17	Tỷ lệ doanh nghiệp thường xuyên truy cập vào website của UBND tỉnh (%)	15%	31%	16%



Bảng 6. Chi tiết chỉ số thành phần: Chi phí thời gian.

TT	CSTP 4: Chi phí thời gian	Năm 2022	Năm 2023	So sánh năm 2023/2022
		Giá trị	Giá trị	Giá trị (+, -) tăng/giảm
	Tổng số	6,76	7,95	1,19
1	Tỷ lệ doanh nghiệp dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước (%)	6%	7%	-1%
2	Cán bộ nhà nước thân thiện (% Đồng ý)	92%	87%	-5%
3	Cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (% Đồng ý)	92%	89%	-3%
4	Doanh nghiệp không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký (% Đồng ý)	90%	89%	-1%
5	Thủ tục giấy tờ đơn giản (% Đồng ý)	90%	88%	-2%
6	Phí, lệ phí được công khai (% Đồng ý)	95%	93%	-2%
7	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định (% Đồng ý)	92%	89%	-3%
8	Tỷ lệ doanh nghiệp không gặp khó khăn khi thực hiện TTHC trực tuyến (% Đồng ý)	39%	71%	32%
9	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm thời gian cho doanh nghiệp (% Đồng ý)	39%	70%	31%
10	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm chi phí cho doanh nghiệp (% Đồng ý)	37%	67%	30%
11	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)	4%	5%	-1%
12	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết bị thanh kiểm tra trên 3 lần một năm	5%	4%	1%
13	Tỷ lệ doanh nghiệp nhận thấy cán bộ thanh, kiểm tra lợi dụng thực thi công vụ nhũng nhiễu doanh nghiệp (%)	6%	4%	2%
14	Số giờ thanh, kiểm tra thuế mỗi cuộc (trung vị)	24	32	-8

Bảng 7. Chi tiết chỉ số thành phần: Chi phí không chính thức.

TT	CSTP 5: Chi phí không chính thức	Năm 2022	Năm 2023	So sánh năm 2023/2022
		Giá trị	Giá trị	Giá trị (+, -) tăng/giảm
	Tổng số	6,88	7,41	0,53
1	Các doanh nghiệp cùng ngành thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức (% Đồng ý)	78%	42%	36%
2	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức (% Thường xuyên hoặc Luôn luôn)	85%	47%	38%
3	Hiện tượng những nhiễu khi giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp là phổ biến (% Đồng ý)	88%	67%	21%
4	Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	90%	92%	2%
5	Tỷ lệ doanh nghiệp chỉ trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra (%)	9%	16%	-7%
6	Tỷ lệ doanh nghiệp trả CPKCT khi thực hiện thủ tục ĐKDN/ sửa đổi ĐKDN (%)	0%	0%	Giữ mức
7	Tỷ lệ doanh nghiệp trả CPKCT khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện (%)	40%	17%	23%
8	Tỷ lệ doanh nghiệp trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra tra phòng cháy, chữa cháy (%)	50%	16%	34%
9	Tỷ lệ doanh nghiệp trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra môi trường (%)	60%	10%	50%
10	Tỷ lệ doanh nghiệp trả CPKCT cho cán bộ quản lý thị trường (%)	57%	12%	45%
11	Tỷ lệ doanh nghiệp trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra thuế (%)	84%	44%	40%
12	Tỷ lệ doanh nghiệp trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra xây dựng	75%	9%	66%
13	Doanh nghiệp phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức	1%	0%	1%
14	Tỷ lệ doanh nghiệp chỉ trả chi phí không chính thức để đẩy nhanh việc thực hiện thủ tục đất đai (% DN)	29%	44%	-15%
15	Chi trả "hoa hồng" là cần thiết để có cơ hội thắng thầu (% Đồng ý)	40%	35%	5%
16	Có tranh chấp song không lựa chọn Tòa án để giải quyết do lo ngại tình trạng "chạy án" là phổ biến (%)	21%	48%	-27%

Bảng 8. Chi tiết chỉ số thành phần: Cạnh tranh bình đẳng.

TT	CSTP 6: Cạnh tranh bình đẳng	Năm 2022	Năm 2023	So sánh năm 2023/2022
		Giá trị	Giá trị	Giá trị (+, -) tăng/giảm
	Tổng số	4,87	5,71	0,84
1	Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp cho địa phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp hoặc tài trợ/hỗ trợ khác (% Đồng ý)	91%	80%	-11%
2	Tình ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% Đồng ý)	88%	74%	14%
3	Tình ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% Đồng ý)	23%	31%	-8%
4	Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	86%	27%	59%
5	Thủ tục hành chính nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	31%	23%	8%
6	Dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	17%	16%	1%
7	Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	6%	22%	-16%
8	Thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	23%	20%	3%
9	Miễn, giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	29%	30%	-1%
10	Việc tình ưu ái cho doanh nghiệp lớn (cả DNNN và tư nhân) gây khó khăn cho doanh nghiệp (% Đồng ý)	85%	74%	11%
11	"Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các doanh nghiệp có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh" (% Đồng ý)	75%	62%	13%

Bảng 9. Chi tiết chỉ số thành phần: Tính năng động của Chính quyền tỉnh.

TT	CSTP 7: Tính năng động và tiên phong của chính quyền	Năm 2022	Năm 2023	So sánh năm 2023/2022
		Giá trị	Giá trị	Giá trị (+, -) tăng/giảm
	Tổng số	7,20	7,38	0.18
1	Thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực (% doanh nghiệp)	88%	77%	-11%
2	Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” và “không làm gì” (% doanh nghiệp)	9%	7%	2%
3	Các Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh (% Đồng ý)	80%	52%	28%
4	UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi (% Đồng ý)	96%	94%	-2%
5	UBND tỉnh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% Đồng ý)	95%	90%	-5%
6	Chính quyền cấp huyện, thị xã không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành phố (% Đồng ý)	85%	67%	18%
7	Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp tại tỉnh (% Đồng ý)	91%	94%	3%
8	Chủ trương, chính sách của tỉnh, thành phố đối với việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động là ổn định và nhất quán (% Đồng ý)	41%	21%	-20%
9	Tỷ lệ doanh nghiệp tin tưởng rằng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của mình	90%	89%	-1%

Bảng 10. Chi tiết chỉ số thành phần: Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp

TT	CSTP 8: Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	Năm 2022	Năm 2023	So sánh năm 2023/2022
		Giá trị	Giá trị	Giá trị (+, -) tăng/giảm
	Tổng số	5,77	5,26	-0,51
1	Thủ tục cấp bảo lãnh tín dụng cho DNNVV để thực hiện (%)	82%	60%	-22%
2	Thủ tục để được CQNN hỗ trợ tăng cường năng lực doanh nghiệp để thực hiện (%)	90%	73%	-17%
3	Thủ tục để được giảm giá thuê mặt bằng tại khu/cụm CN là để thực hiện (%)	75%	56%	-19%
4	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn pháp luật khi sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN để thực hiện (%)	74%	62%	-12%
5	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn thông tin thị trường khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN để thực hiện (%)	74%	60%	-14%
6	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng ngân sách nhà nước về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp để thực hiện (%)	75%	45%	-30%
7	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí đào tạo nghề cho người lao động để thực hiện (%)	80%	56%	-24%
8	Chất lượng cung cấp thông tin liên quan đến các FTA của các CQNN địa phương đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp (% Đáp ứng)	72%	75%	3%
9	Vướng mắc trong thực hiện các văn bản thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTA) được CQNN địa phương giải đáp hiệu quả (%)	59%	86%	27%
10	Tỷ lệ doanh nghiệp có biết đến các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTAs	47%	16%	-31%
11	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc thực hiện thủ tục để hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội từ các FTAs là thuận lợi (%)	2%	56%	54%
12	Tỷ lệ nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp (%)	0,71%	0,71%	Giữ mức
13	Tỷ lệ nhà cung cấp tư nhân và nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ (%)	69%	69%	Giữ mức

Bảng 11. Chi tiết chỉ số thành phần: Đào tạo lao động

TT	CSTP 9: Đào tạo lao động	Năm 2022	Năm 2023	So sánh năm 2023/2022
		Giá trị	Giá trị	Giá trị (+, -) tăng/giảm
	Tổng số	6,29	5,56	-0,73
1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc tuyển dụng lao động phổ thông tại tỉnh là dễ dàng (%)	59%	31%	-28%
2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc tuyển dụng cán bộ kỹ thuật tại tỉnh là dễ dàng (%)	55%	16%	-39%
3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc tuyển dụng cán bộ quản lý, giám sát tại tỉnh là dễ dàng (%)	53%	15%	-38%
4	Tỷ lệ chi phí tuyển dụng lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	3,99	5,06	-1,07
5	Tỷ lệ chi phí đào tạo lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	7,01	8,25	-1,24
6	Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt (% Đồng ý)	69%	79%	10%
7	Tỷ lệ lao động tại doanh nghiệp đã tốt nghiệp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (%)	46,61	45,49	-1,12
8	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại địa phương đã qua đào tạo (% TCTK)	19,34	19,58	0,24
9	Lao động tại địa phương đáp ứng hoàn toàn/phần lớn nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp (%)	29%	52%	23%
10	Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt (% Đồng ý)	72%	80%	8%
11	Điểm thi trung bình kỳ thi tốt nghiệp THPT (BGDĐT)	6,64	6,71	0,07



Bảng 12. Chi tiết chỉ số thành phần: Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự

TT	CSTP 10: Thiết chế pháp lý & ANTT	Năm 2022	Năm 2023	So sánh năm 2023/2022
		Giá trị	Giá trị	Giá trị (+, -) tăng/giảm
	Tổng số	8,50	7,87	-0,63
1	Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp doanh nghiệp tố cáo hành vi sai phạm của CBNN (% Thường xuyên hoặc Luôn luôn)	43%	63%	20%
2	Tỷ lệ doanh nghiệp tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (% Đồng ý)	95%	94%	-1%
3	Tỷ lệ doanh nghiệp sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (%)	71%	63%	-8%
4	Tỷ lệ doanh nghiệp tin rằng cấp trên không bao che và sẽ nghiêm túc xử lý kỷ luật cán bộ sai phạm (% Đồng ý)	85%	55%	-30%
5	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật (% Đồng ý)	94%	89%	-5%
6	Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% Đồng ý)	92%	86%	-6%
7	Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (% Đồng ý)	92%	88%	-4%
8	Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp (% Đồng ý)	93%	89%	-4%
9	Các chi phí chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	85%	79%	-6%
10	Các chi phí không chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	84%	80%	-4%
11	Phán quyết của toà án là công bằng (% Đồng ý)	94%	85%	-9%
12	Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp (TANDTC)	0,97	0,93	0,04
13	Tỷ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh trên tổng số nguyên đơn tại Tòa án kinh tế tỉnh (% TANDTC)	83%	84%	-1%
14	Tỷ lệ các vụ án kinh tế đã được giải quyết (% TANDTC)	89%	88%	-1%
15	Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh là tốt (%)	84%	86%	2%
16	Tỷ lệ doanh nghiệp bị trộm cắp hoặc đột nhập vào năm vừa qua (%)	1%	6%	-5%
17	Cơ quan công an sở tại xử lý vụ việc của doanh nghiệp hiệu quả (%)	97%	88%	-9%
18	Tỷ lệ doanh nghiệp phải trả tiền bảo kê cho các băng nhóm côn đồ, tổ chức xã hội đen để yên ổn làm ăn (%)	0%	1%	-1%